

Bản án số:555/2022/DS-PT

Ngày:12/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
Vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu

Ông Nguyễn Bá Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 9 và ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4197/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11278/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1973.(*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: Đường NĐC, Phường NA, Quận BA, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường số BA, CXLG, Phường ML, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Vũ Hồng T, sinh năm 1971.(*có mặt*)

Nơi đăng ký thường trú : PDL, Phường BA, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện trú: đường QT, Phường MI, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 00262, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số BAI Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 07/01/2021)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Đoan CH, sinh năm 1972.(*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: đường BT, Phường TA, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn*: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên PT. Do ông Lâm Hiền P - Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên PT- đại diện cho bị đơn.(*có mặt*)

Địa chỉ trụ sở: đường CMTT, Phường MM, Quận BA, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng: 004311, quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Dương Đức Hiếu chứng nhận ngày 12/4/2021.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn*:

Luật sư Nguyễn Văn A, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên PT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(*có mặt*)

Địa chỉ: Đường NMH, Phường MH, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Mai Minh D, sinh năm 1971.(*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: đường BT, Phường TA, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng Q và người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Hồng T trình bày:*

Ông Nguyễn Hồng Q có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Ngọc Đoan CH từ năm 2000, nên từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017, ông Nguyễn Hồng Q đã cho bà Nguyễn Ngọc Đoan CH vay tiền nhiều lần để kinh doanh, tổng cộng số tiền vay là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn vay là 03 tháng. Trong quá trình vay tiền, bà CH thanh toán lãi vay không đúng và không đầy đủ như thỏa thuận nên ông Q đã nhiều lần yêu cầu bà CH hoàn trả tiền nợ gốc và tiền lãi, nhưng bà CH không trả.

Tính đến hết tháng 6/2020, bà CH đã thanh toán cho ông Q số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, còn nợ 2.100.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2020, ông Q có gọi điện yêu cầu bà CH phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi trong vòng 02 tháng tính từ ngày 25/07/2020 đến hết ngày 25/09/2020.

Ngày 24/9/2020, ông Q có nhắn tin yêu cầu bà CH trả lời dứt khoát việc thanh toán nợ nhưng bà CH vẫn trả lời lòng vòng để kéo dài thời hạn thanh toán.

Đến ngày 01/11/2020, bà CH xin gia hạn thêm một tháng để thu xếp tiền thanh toán, ông Q đã đồng ý gia hạn thêm một tháng. Nên ngày 03/11/2020, ông Nguyễn Hồng Q và bà Nguyễn Ngọc Đoan CH gặp nhau và lập văn bản thỏa thuận gia hạn nợ. Trong đó, hai bên xác nhận nợ gốc còn lại là 2.100.000.000 đồng và thỏa thuận giảm lãi vay trong hạn từ 1,5%/tháng xuống còn 1%/tháng tính từ tháng 5/2017 đến ngày 03/12/2020; thời hạn gia hạn là 01 tháng tính từ ngày 03/11/2020, đến ngày 03/12/2020 bà CH phải thanh toán toàn bộ một lần cả nợ gốc và lãi. Hết thời hạn gia hạn nợ nếu bà CH vẫn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn tính từ ngày 04/12/2020 là 1,5%/tháng trên số tiền chậm thanh toán.

Hết thời hạn theo thỏa thuận, ông Q đã nhiều lần gọi điện yêu cầu bà CH thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo cam kết ngày 03/11/2020. Tuy nhiên, bà CH vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 18/12/2020, ông Q có văn bản yêu cầu Công ty Luật TNHH Đồng Khởi cử Luật sư đại diện cho ông Q giải quyết mọi vấn đề nợ của bà CH.

Ngày 22/12/2020, Công ty luật TNHH Đồng Khởi đã thông báo bằng văn bản yêu cầu bà CH phải thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết ngày 03/11/2020, thời hạn thanh toán trước ngày 15/01/2021. Cùng trong ngày 22/12/2020, bà CH nhận được văn bản của Công ty luật TNHH Đồng Khởi.

Đến hết thời hạn 15/01/2021, bà CH vẫn không thanh toán nợ theo cam kết ngày 03/11/2020 và Thông báo ngày 22/12/2020.

Vì vậy, ngày 16/01/2021, ông Q tiếp tục gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu bà CH phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo cam kết ngày 03/11/2020, Thông báo thanh toán nợ ngày 22/12/2020, thời hạn thanh toán từ ngày 17/01/2021 đến hết ngày 07/02/2021. Ngày 17/01/2021 bà CH nhận được thông báo của ông Q và ký tên vào phiếu báo phát.

Ngoài ra, ngày 17/01/2021, ông Q cũng đã gửi tin nhắn đến số điện thoại của bà CH ghi trên Giấy gia hạn nợ ngày 03/11/2020. Nội dung tin nhắn: “Ngày 16/01/2021, tôi có gửi thông báo lần cuối cùng về việc yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi bằng chuyển phát nhanh qua đường bưu điện. Nay tôi gửi tin nhắn này nhắc lại trong vòng 22 ngày kể từ 17/01/2021 đến hết ngày 07/02/2021, bà Nguyễn Ngọc Đoan CH phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/11/2020 là 3.003.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ lẻ ba triệu đồng) vào tài khoản của tôi, Nguyễn Hồng Q số BA7908739, mở tại Ngân hàng ACB chi nhánh Lê Ngô Cát, theo đúng cam kết ghi trong giấy gia hạn ngày 03/11/2020”.

Sau khi đọc tin nhắn, bà CH xác nhận đã nhận thông báo bằng văn bản thanh toán nợ của ông Q vào chiều ngày 17/01/2021.

Đến hết ngày 07/02/2021, bà CH vẫn cố tình không thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo cam kết ngày 03/11/2020, thông báo ngày 22/12/2020, thông báo ngày 16/01/2021 và tin nhắn ngày 17/01/2021. Như vậy, từ ngày 25/07/2020 đến hết ngày 07/02/2021 là 06 tháng 13 ngày, bằng nhiều biện pháp như gọi điện, nhắn tin, gửi văn bản đề yêu cầu bà CH thanh toán nợ gốc và nợ lãi nhưng không có kết quả. Do đó, ông Nguyễn Hồng Q đã khởi kiện bà Nguyễn Ngọc Đoan CH ra trước Tòa án nhân dân Quận S để được Tòa án giải quyết.

Nay ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Ngọc Đoan CH và chồng bà CH là ông Mai Minh D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hồng Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2021 là 3.181.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ một trăm tám mươi một triệu đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 2.100.000.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn tính từ tháng 5/2017 đến ngày 03/12/2020, mức lãi suất 1%/tháng là:  $(2.100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%) \times 43 \text{ tháng} = 903.000.000 \text{ đồng}$ ;

- Nợ quá hạn tạm tính từ ngày 04/12/2020 đến ngày 24/5/2021, mức lãi suất 1.5%/tháng là:  $2.100.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 178.000.000 \text{ đồng}$ .

Ông Nguyễn Hồng Q yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Đoan CH và ông Mai Minh D thanh toán nợ gốc và nợ lãi một lần ngay sau khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*\* Theo Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/4/2021, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc Đoan CH trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc trong khoảng thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 02/2017, bà CH đã nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Hồng Q với tổng số tiền vay là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản hoặc nhận trực tiếp. Hai bên có lập giấy nhận nợ và lãi suất thỏa thuận là từ 1,5%/tháng đến 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Bà trả tiền lãi hàng tháng đều đặn nhưng bà không nhớ tổng số tiền lãi bà đã trả là bao nhiêu, chỉ nhớ rằng trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc nhận trực tiếp.

Đến tháng 11/2020, bà và ông Q đã đối chiếu công nợ. Bà xác định hiện nay số tiền gốc bà còn nợ ông Q là 2.075.000.000 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Thực tế, việc bà vay tiền của ông Q là vay giúp cho ông Trương Minh Thuận – Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trương Nguyễn để kinh doanh thủy sản. Ông Nguyễn Hồng Q cũng biết sự việc này. Tuy nhiên, bà xác định bà là người đứng tên vay tiền của ông Nguyễn Hồng Q nên bà có trách nhiệm phải thanh toán số tiền nợ gốc và số tiền lãi phát sinh từ số tiền trên cho ông Q.

Do công việc kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Trương Nguyễn hiện nay đang gặp khó khăn nên bà CH đề nghị ông Q cho bà thêm thời

gian để bà đốc thúc ông Trương Minh Thuận sớm thanh toán tiền nợ gốc cho ông Q, còn số tiền lãi bà muốn thương lượng lại với ông Q.

Bà xác định chồng bà CH là ông Mai Minh D không biết gì về việc bà vay tiền của ông Q. Do đó, bà không yêu cầu ông Mai Minh D cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho ông Q với bà.

*\* Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/5/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh Quang trình bày:*

Đối với số tiền gốc ông thống nhất với ý kiến của bà CH thừa nhận còn nợ 2.075.000.000 đồng, đối với số tiền lãi bà CH không đồng ý, nhưng do ông chưa nghiên cứu hồ sơ nên ông chưa đưa ra được căn cứ, ông sẽ xem xét lại tài liệu và có ý kiến tại phiên tòa.

Đề nghị Tòa xem xét thêm về việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán của bà CH sang ông Trương Minh Thuận đối với khoản nợ của ông Q, bởi vì thực tế khoản vay bà Nguyễn Ngọc Đoàn CH vay của ông Nguyễn Hồng Q là bà CH vay giúp cho ông Trương Minh Thuận – Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trương Nguyễn, việc vay giùm được chứng minh qua nội dung tin nhắn giữa bà CH và ông Thuận; giữa ông Thuận với ông Q.

Toàn bộ khoản nợ bà CH vay của ông Q hoàn toàn không liên quan gì đến chồng bà CH là ông Mai Minh D. Bà CH không yêu cầu ông D có nghĩa vụ liên đới trong vụ án.

*- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lâm Hiền P trình bày:*

Bà CH thừa nhận bà có nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Hồng Q với tổng số tiền vay là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Bà CH trả tiền lãi hàng tháng đều đặn nhưng bà không nhớ tổng số tiền lãi bà đã trả là bao nhiêu, chỉ nhớ rằng trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc nhận trực tiếp.

Đến tháng 11/2020, bà CH và ông Q đã đối chiếu công nợ. Bà CH xác định hiện nay bà CH còn nợ ông Q số tiền nợ gốc là 2.075.000.000 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên do hiện nay điều kiện kinh tế của bà CH khó khăn nên bà CH đề nghị nguyên đơn cho bà thêm thời gian là 06 tháng để bà làm việc với ông Trương Minh Thuận về việc trả nợ cho ông Q.

Về lãi suất, bà CH đồng ý với số tiền lãi do nguyên đơn tính nhưng đề nghị nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi cho bà.

Bà CH đề nghị Tòa án cho thời hạn 15 ngày kể từ ngày 24/5/2021 để phía bị đơn bàn bạc, thỏa thuận với nguyên đơn về tiền lãi, thời hạn và phương thức trả nợ.

*- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn A thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Hiền P.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Minh D trình bày tại Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/4/2021:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Ngọc Đoan CH. Tuy nhiên, ông và bà CH đã tự ly thân từ năm 2014. Đến nay, giữa ông và bà CH chưa ly hôn nhưng không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như không tạo lập tài sản chung nào.

Việc bà CH vay tiền của ông Q thì ông hoàn toàn không biết và ông cũng không sử dụng số tiền vay này. Bà CH sử dụng riêng số tiền vay của ông Q, không sử dụng vào chi phí sinh hoạt của gia đình.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn (ông Nguyễn Hồng Q) về việc ông có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Ngọc Đoan CH thanh toán cho ông Nguyễn Hồng Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/02/2021 là 3.066.000.000 đồng.

***Tại phiên tòa:***

*\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, không đồng ý số tiền 25.000.000 đồng mà bà CH chuyển khoản ngày 02/10/2020 là số tiền trả nợ gốc nhưng chưa được cân trừ, vì hai bên đã chốt nợ vào ngày 03/11/2020 và số tiền này chuyển khoản trước khi hai bên chốt lại công nợ với nhau.

-Không đồng ý chuyển giao số nợ sang cho ông Trương Minh Thuận.

-Về tiền lãi, nếu phía bị đơn yêu cầu tính theo giấy gia hạn vay tiền thì nguyên đơn chấp nhận tính theo giấy gia hạn vay tiền mà hai bên đã ký, còn số tiền đã thanh toán trước khi viết giấy gia hạn thì coi như xong nên không tính toán lại; Nếu phía bị đơn yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ khi bắt đầu vay đến năm 2017 thì nguyên đơn đồng ý kể cả giai đoạn từ 01/01/2017 cho đến nay, không theo lãi suất đã thỏa thuận trong giấy gia hạn vay tiền.

Tiền lãi tính theo thỏa thuận cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn: Từ tháng 5/2017 đến ngày 03/12/2020 là 2.100.000.000 đồng x 1% x 43 tháng = 903.000.000 đồng.

- Lãi quá hạn: Tạm tính từ 03/12/2020 đến ngày 26/5/2022 là 2.100.000.000 đồng x 1,5% x 17 tháng 23 ngày = 557.550.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 2.100.000.000 đồng + 903.000.000 đồng + 557.550.000 đồng = 3.560.550.000 đồng.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn do ông Lâm Hiền P làm đại diện trình bày:*

Phía bị đơn thừa nhận từ năm 2015 đến năm 2017 bà Nguyễn Ngọc Đoan CH có nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Hồng Q với tổng số tiền gốc là 2.400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Tính đến ngày 03/11/2020 thì bà CH đã trả cho ông Q tổng số tiền gốc là 325.000.000 bao gồm cả số tiền 25.000.000 đồng đã chuyển ngày 02/10/2020 đồng và hàng tháng đều trả lãi 1,5% trên tổng dư nợ gốc tại từng thời điểm. Khi trả nợ gốc và lãi thì bà CH trả theo phương thức nộp tiền vào tài khoản của ông Q tại Ngân hàng hoặc trả tiền mặt trực tiếp cho ông Q nhưng không có sổ ghi chép, theo dõi.

Đối với tiền lãi từ năm 2015 đến năm 2017, bị đơn thừa nhận hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/ tháng và bị đơn đã tự nguyện trả cho nguyên đơn lãi suất hàng tháng đúng với lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, mức lãi suất thỏa thuận là vượt quá mức cao nhất theo quy định của pháp luật nên phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tính lại lãi suất trong giai đoạn này. Việc bị đơn yêu cầu tính lại lãi suất được coi là có tranh chấp về lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng, tính được là 247.450.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà CH đã trả cho ông Q theo bản sao kê của Ngân hàng là 362.000.000 đồng. Như vậy, bà CH đã trả cho ông Q số tiền vượt quá quy định là 114.550.000 đồng, bà CH yêu cầu được căn trừ số tiền này vào tiền nợ gốc. Số nợ gốc tính đến ngày 31/12/2016 là 1.960.450.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi từ 01/01/2017 đến nay, đề nghị Hội đồng xét xử tính theo Giấy gia hạn vay tiền ngày 03/11/2020 đã được ký kết giữa bà Nguyễn Ngọc Đoan CH và ông Nguyễn Hồng Q. Tuy nhiên, trong phần này bà CH đã trả lãi của tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2017 rồi nhưng khi chốt công nợ hai bên bị nhầm lẫn nên lãi suất giai đoạn này được tính từ tháng 8/2017 mới đúng. Cụ thể:

- Từ tháng 8/2017 đến 30/11/2020:  $1.960.450.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 40 \text{ tháng} = 784.180.000 \text{ đồng};$

- Từ tháng 12/2020 đến hết tháng 5/2022:  $1.960.450.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 18 \text{ tháng} = 529.321.500 \text{ đồng};$

Tổng cộng cả gốc và lãi:  $1.960.450.000 \text{ đồng} + 784.180.000 \text{ đồng} + 529.321.500 \text{ đồng} = 3.273.951.500 \text{ đồng}.$

Nay bà CH đồng ý trả cho ông Q tổng số tiền là 3.273.951.500 đồng.

Đối với việc bị đơn yêu cầu đưa ông Trương Minh Thuận tham gia tố tụng trong vụ án, phía bị đơn thừa nhận khi bà CH hỏi vay tiền của ông Q thì có nói với ông Q vay tiền giùm ông Thuận và để ông Thuận đứng tên hợp đồng vay nhưng ông Q không đồng ý vì ông Q cho rằng không quen biết ông Thuận mà chỉ tin tưởng bà CH nên chỉ cho bà CH vay. Sau khi vay được tiền thì bà CH đã giao lại toàn bộ tiền cho ông Thuận để đầu tư kinh doanh, tiền lãi hàng tháng do ông Thuận đưa cho bà CH để bà CH thanh toán cho ông Q. Nhưng khi hết khả

năng thanh toán thì ông Thuận đã trốn tránh trách nhiệm trả nợ và không còn làm việc ở Công ty, nên hiện nay bà CH không biết ông Thuận ở đâu và không liên lạc được với ông Thuận. Vì vậy, đề nghị Tòa án triệu tập ông Thuận đến Tòa án làm việc để gây áp lực với ông Thuận, buộc ông Thuận phải chia sẻ trách nhiệm với bà CH vì thực tế toàn bộ số tiền vay bà CH đều đưa hết cho ông Thuận, bà CH không được hưởng lợi gì từ số tiền vay.

*\* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Văn A trình bày:*

**- Về tố tụng:**

***Thứ nhất, về việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng:***

Tôi cho rằng việc Tòa án không đưa ông Trương Minh Thuận vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cụ thể:

- Một là, tại phiên họp ngày 08/4/2021, Thẩm phán chỉ yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ của ông Thuận. Tuy nhiên, việc Tòa án yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp địa chỉ trong thời hạn 01 ngày là hoàn toàn không phù hợp thực tế, đặc biệt là thời điểm đó, dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát khắp nơi.

- Hai là, ở phiên họp lần 1, Thẩm phán không hề nhắc nhở hoặc yêu cầu bị đơn phải cung cấp chứng cứ chứng minh ông Thuận có liên quan đến vụ án để làm căn cứ đưa ông Thuận vào tham gia vụ án. Tuy nhiên, tại phiên họp lần 2 ngày 24-25/5/2021, Thẩm phán giải quyết vụ án lại bất ngờ thay đổi quan điểm và cho rằng bị đơn không cung cấp chứng cứ là hoàn toàn mâu thuẫn.

Trên thực tế, bị đơn đã nộp nhiều hình ảnh tin nhắn/zalo/viber thể hiện việc nguyên đơn biết việc bị đơn vay tiền cho ông Thuận, thậm chí ông Q còn yêu cầu ông Thuận ký giấy nhận nợ ("*Vậy thôi chị chuyển em chị ký giấy nhận nợ đi*"; "*Ngày mai chị qua nhà em nói chuyện giải quyết vấn đề nha*"; "*Chị đi với em chị luôn*"...). Hơn nữa, chính nguyên đơn cũng đã cung cấp tin nhắn giữa ông Q và bà CH ngày 09/10/2020 thể hiện bà CH là người vay tiền giúp cho ông Thuận, chờ ông Thuận đưa tiền thì bà CH mới có tiền trả.

Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Trương Minh Thuận là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cần phải đưa vào tham gia tố tụng. Việc Tòa án không đưa ông Trương Minh Thuận vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc Đoàn CH.

**- Về nội dung vụ án:**

***Thứ nhất, về số tiền gốc bị đơn còn nợ:***

Căn cứ theo đơn khởi kiện và trình bày của phía nguyên đơn tại phiên tòa thì nguyên đơn yêu cầu bà CH phải trả số tiền gốc còn nợ là 2.100.000.000

đồng. Trong đó bao gồm khoản vay 1.900.000.000 đồng ngày 21/4/2016 và khoản vay 500.000.000 đồng ngày 18/02/2017.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, phía bị đơn luôn khẳng định số tiền gốc bị đơn còn nợ ông Q là 2.075.000.000 đồng, chênh lệch 25.000.000 đồng so với số tiền yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ theo nội dung tin nhắn trao đổi giữa ông Q và bà CH ngày 01/10/2020 do nguyên đơn cung cấp thì bà CH đã chuyển cho ông Q số tiền 25.000.000 đồng và được ông Q đồng ý. Bên cạnh đó, theo sao kê tài khoản ngân hàng của ông Q do người đại diện theo ủy quyền của ông Q cung cấp thì ngày 02/10/2020 bà CH có chuyển trả cho ông Q số tiền 25.000.000 đồng.

Tại thời điểm ngày 03/11/2020 khi các bên ký giấy gia hạn, bà CH đã có sự nhầm lẫn về số tiền gốc còn nợ vì trên thực tế các bên vay nhiều lần, bà CH đã trả nhiều lần và do thời gian kéo dài đồng thời cũng vì tin tưởng ông Q là người lập sẵn giấy gia hạn nên bà CH đã không kiểm tra kỹ dẫn đến việc ký xác nhận số tiền gốc là 2.100.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền vay gốc tổng cộng là 2.075.000.000 đồng.

***Thứ hai, về khoản tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016) liên quan đến khoản vay 1.900.000.000 đồng:***

Tại phiên tòa, khi người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị làm rõ khoản tiền vay trước khi các bên ký giấy gia hạn ngày 03/11/2020 thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không trả lời, cố tình che giấu các thông tin liên quan.

Tuy nhiên, căn cứ trên giấy cho vay tiền mặt đề ngày 21/4/2016 và dòng tiền bà CH đã nộp vào tài khoản của ông Q thì có căn cứ xác định rằng lãi suất ông Q cho bà CH vay tiền là 1,5%/tháng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm trước ngày 01/01/2017) thì: “*Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”. Đồng thời, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tức là 0,75%/tháng.

Trên thực tế, khi áp dụng mức lãi suất này trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 bà CH đã thanh toán cho ông Q số tiền 362.000.000 đồng (đã trừ số tiền 152.000.000 đồng chuyển ngày 06/10/2016). Trong khi đó, nếu căn cứ theo quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà CH chỉ phải thanh toán cho ông Q số tiền 247.450.000 đồng, số tiền chênh lệch là 114.550.000 đồng.

Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cản trừ số tiền 114.550.000 đồng vào số tiền gốc mà bị đơn còn nợ, thời điểm cản trừ là thời điểm trả lãi (ngày 31/12/2016).

Như vậy, số tiền gốc bị đơn còn nợ sau khi trừ 25.000.000 đồng trả ngày 02/10/2020 và số tiền lãi vượt quá 114.550.000 đồng là 1.960.450.000 đồng.

***Thứ ba, về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:***

Căn cứ theo đơn khởi kiện và trình bày của phía nguyên đơn tại phiên tòa thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trong hạn từ tháng 5/2017 đến ngày 03/12/2020.

Tuy nhiên, căn cứ theo sao kê tài khoản ngân hàng của ông Q thì trong các tháng 5, 6, 7/2017, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 88.500.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho 03 tháng này là hoàn toàn vô lý. Trong trường hợp này, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu tính lãi 03 tháng 5, 6, 7/2017 này hoặc cản trừ số tiền 88.500.000 đồng vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả.

Ngoài ra, việc tính lãi phải dựa trên số tiền gốc sau khi đã cản trừ phần tiền lãi vượt quá 114.550.000 đồng đã nêu như trên theo đúng quy định tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

***Thứ tư, về việc nguyên đơn yêu cầu ông Mai Minh D chịu trách nhiệm liên đới với bà CH:***

Căn cứ khoản 20 Điều 3 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đối chiếu với nội dung vụ án: Tại bản tự khai ngày 16/3/2021 và biên bản công khai chứng cứ ngày 08/4/2021 thì ông D trình bày: Ông D và bà CH đã sống ly thân từ năm 2014, không còn chung sống với nhau. Việc vay tiền của ông Q, bà CH không thông báo cho ông D, bà CH không sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình. Lời khai của bà CH cũng phù hợp với lời khai của ông D.

Tại đơn khởi kiện và tại các bản khai, ông Q cũng thừa nhận bà CH vay tiền để kinh doanh hàng hóa xuất khẩu.

Như vậy, có cơ sở khẳng định ông D không hề biết việc bà CH vay tiền của ông Q, bà CH cũng không sử dụng tiền vay cho mục đích sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Do đó, ông D không có nghĩa vụ liên đới cùng với bà CH trả nợ cho ông Q.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 01-6-2022 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Q đối với bà Nguyễn Ngọc Đoan CH về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Tuyên: Buộc bà Nguyễn Ngọc Đoan CH có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hồng Q tổng số nợ gốc và nợ lãi là 3.560.550.000 đồng đồng (Ba tỉ năm trăm

sáu mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 2.100.000.000 đồng, nợ lãi là 1.460.550.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Hồng Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Ngọc Đoan CH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng Q về việc buộc ông Mai Minh D có nghĩa vụ liên đới cùng với bà CH đối với số nợ mà bà CH còn nợ ông Q nêu trên.

### 3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc Đoan CH có nghĩa vụ nộp án phí là 103.211.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm mười một ngàn đồng);

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.660.000 đồng theo biên lai thu số 0038510 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

-Ngày 08/6/2022 bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đoan Châu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

-Ngày 13/6/2022 nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

-Nguyên đơn có ông Vũ Hồng Thành là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi bản án sơ thẩm tuyên, phía nguyên đơn đã kháng cáo đề nghị buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Mai Minh D. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo này. Ngoài ra nguyên đơn đồng ý bỏ số tiền lãi của tiền lãi trong hạn do chậm trả là 200.953.924 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

-Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Hiền Phước và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo:

Trong đơn kháng cáo đề ngày 08/6/2022 của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đoan Châu kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Sau đó tại Đơn kháng cáo bổ sung, bị đơn đề nghị xem xét hủy bản án sơ thẩm do có sai sót về thủ tục tố tụng, cụ thể cần đưa ông Trương Minh Thuận vào tham gia tố tụng để chịu nghĩa vụ trả nợ, đồng thời xem xét lại tài liệu là “Bảng tổng hợp nợ gốc-thanh toán lãi-nợ lãi” mà cấp sơ thẩm đã làm căn cứ để giải quyết thì bị đơn không biết nên không đồng ý. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chưa đúng về phần tiền lãi và lãi suất áp dụng, cụ thể là không chấp nhận số tiền lãi của lãi trong hạn chậm trả với số tiền là 200.953.924 đồng vì nguyên đơn không có yêu

cầu. Nay nguyên đơn đồng ý bỏ phần tiền lãi này, nên phía bị đơn xác định yêu cầu kháng cáo là đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại phần lãi suất cho phù hợp pháp luật. Cụ thể là áp dụng mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng tính trong khoản thời gian từ tháng 01/2015 đến 31/12/2016. Không có yêu cầu nào khác.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

+Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+Về nội dung: Đề nghị chấp nhận việc rút kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận theo ý kiến của nguyên đơn về rút phần lãi suất của số tiền là 200.953.924 đồng. Phần tiền lãi còn lại đề nghị xem xét theo hướng lãi suất tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 với mức lãi suất là 1.125%/tháng và thời gian còn lại tiền lãi sẽ tính theo quy định pháp luật trên số tiền gốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

-Về thủ tục kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về đưa người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

-Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ kháng cáo của nguyên đơn.

-Về yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xác định buộc bị đơn trả tiền vốn gốc là 2.100.000.000 đồng, ngoài ra còn phải trả tiền lãi. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là theo sự thỏa thuận của hai bên, nếu chưa phù hợp thì đồng ý điều

chính theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi từ lúc vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn cũng đồng ý bỏ tiền lãi của số tiền lãi trong hạn do chậm trả là 200.953.924 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

[2.2]. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Trong đơn kháng cáo đề ngày 08/6/2022 của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đoàn Châu kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm về tiền vốn và lãi suất. Sau đó tại Đơn sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo, bị đơn đề nghị xem xét hủy bản án sơ thẩm do có sai sót về thủ tục tố tụng, cụ thể cần đưa ông Trương Minh Thuận vào tham gia tố tụng để chịu nghĩa vụ trả nợ, đồng thời xem xét lại tài liệu là “Bảng tổng hợp nợ gốc-thanh toán lãi-nợ lãi” mà cấp sơ thẩm đã làm căn cứ để giải quyết, do bị đơn không biết tài liệu này nên không đồng ý.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bỏ tiền lãi của số tiền lãi trong hạn do chậm trả với số tiền là 200.953.924 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên, đồng thời xác định yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại phần lãi suất cho phù hợp pháp luật. Cụ thể là áp dụng mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng trong khoản thời gian vay từ tháng 01/2015 đến 31/12/2016, điều chỉnh số tiền lãi đã trả cho phù hợp quy định pháp luật.

[2.3]. Xét thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đã thống nhất được số tiền gốc mà bị đơn hiện còn nợ là 2.100.000.000 đồng và tổng số tiền lãi mà bị đơn đã trả được là 598.500.000 đồng. Bị đơn chỉ đề nghị xem xét tính lại số tiền lãi, cụ thể là cần áp dụng mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng trong khoản thời gian vay từ tháng 01/2015 đến 31/12/2016, điều chỉnh số tiền lãi đã trả cho phù hợp quy định pháp luật, không còn yêu cầu nào khác.

Xét yêu cầu này của bị đơn, căn cứ theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.*

*2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*

Căn cứ theo Quyết định 2868/QĐNH-NN ngày 29/11/2010 thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng VN là 9%/năm.

Trường hợp này các bên đã thừa nhận thỏa thuận lãi suất là 1,5 %/tháng, tính từ lúc vay tháng 01/2015 đến ngày 31/12/2016 đã trả lãi đầy đủ và hiện cũng không có tranh chấp về lãi. Mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong thời gian này 1,5%/tháng tương đương 18%/năm là vượt quá mức quy định nêu trên, nên không được pháp luật công nhận. Mà mức cao nhất cho phép thỏa thuận là

13,5%/năm tức 1,125%/tháng. Nay các đương sự đồng ý điều chỉnh lại cho đúng quy định, yêu cầu này là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, cấp sơ thẩm giải quyết đã chấp nhận yêu cầu của phía bị đơn về việc điều chỉnh lại số tiền lãi mà bị đơn trả cho nguyên đơn trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 với mức lãi suất là 1,125%/tháng là đúng quy định. Không có cơ sở chấp nhận mức lãi suất cơ bản 0,75% /tháng như bị đơn kháng cáo.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thể hiện phần tiền vốn vay được các bên thừa nhận ngày 01/01/2015 số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 21/4/2016 số tiền vay 900.000.000 đồng; Ngày 06/10/2016 còn lại 1.760.000.000 đồng (do đã trả 140.000.000 đồng tiền gốc); Ngày 14/11/2016 số tiền vay 140.000.000 đồng và ngày 18/02/2017 số tiền vay là 500.000.000 đồng. Do đó, cách tính của cấp sơ thẩm là đúng, cụ thể:

- Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016 là:  $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 24 \text{ tháng} = 270.000.000 \text{ đồng}$ ; (1)

- Từ ngày 21/4/2016 đến ngày 06/10/2016 là:  $900.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 05 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 56.280.000 \text{ đồng}$ ; (2)

- Từ ngày 07/10/2016 đến ngày 13/11/2016 là:  $760.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 01 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 10.545.000 \text{ đồng}$ ; (3)

- Từ ngày 14/11/2015 đến ngày 31/12/2016 là:  $900.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 01 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 15.862.500 \text{ đồng}$ . (4)

Tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4) = 352.687.500 đồng.

Số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán trong thời gian này các bên thừa nhận là 362.000.000 đồng. Do đó số tiền lãi còn dư là  $362.000.000 \text{ đồng} - 352.687.500 \text{ đồng} = 9.312.500 \text{ đồng}$ . Số tiền lãi dư này sẽ được căn trừ vào số tiền lãi của giai đoạn tiếp theo.

***- Xét số tiền lãi trong giai đoạn từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm:***

Phần tiền lãi trong thời gian này các bên thừa nhận cấp sơ thẩm giải quyết là đúng, không có yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử nhận thấy cách tính lãi của cấp sơ thẩm cũng đã đúng theo quy định, nên giữ nguyên phần này, cụ thể: Theo Giấy gia hạn vay tiền ngày 03/11/2020 các bên thỏa thuận: *thời gian gia hạn để bên vay thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi là 01 tháng kể từ ngày 03/11/2020, mức lãi suất được tính đối với tổng dư nợ từ tháng 5/2017 đến ngày 03/12/2020 là 1%. Lãi suất quá hạn được tính là 1,5%/tháng nếu bên vay không thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận trong giấy gia hạn.*

Căn cứ theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: “Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan”... Do đó, sự thỏa thuận trong Giấy gia hạn của hai bên

đương sự được chấp nhận. Vậy số tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/6/2022, được tính như sau:

- Từ ngày 01/5/2017 đến ngày 03/12/2020, thời điểm này các bên thỏa thuận tính lãi suất 1%, được tính:  $2.100.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 43 \text{ tháng} \times 02 \text{ ngày} = 904.400.000 \text{ đồng}$ ; (1)

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/4/2017, thời điểm này lãi suất áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận trước đó là 1,5%/tháng:

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/02/2017 là:  $1.900.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 01 \text{ tháng} \times 17 \text{ ngày} = 44.650.000 \text{ đồng}$ ; (2)

+ Từ ngày 18/02/2017 đến ngày 30/4/2017 là:  $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 02 \text{ tháng} \times 11 \text{ ngày} = 85.200.000 \text{ đồng}$ ; (3)

- Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 01/6/2022 là:  $2.100.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 17 \text{ tháng} \times 27 \text{ ngày} = 564.900.000 \text{ đồng}$ . (4)

Tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4) = 1.599.150.000 đồng.

Căn cứ theo bản sao kê thì số tiền bà Nguyễn Ngọc Đoàn CH đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Hồng Q từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2020 là 238.000.000, số tiền này được bên nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm, cộng với số tiền lãi trả dư trong giai đoạn trước 01/01/2017 là 9.312.500 đồng, tổng cộng là 247.312.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi bà CH còn phải trả thêm cho ông Q là  $1.599.150.000 - 247.312.500 \text{ đồng} = 1.351.837.500 \text{ đồng}$ .

Vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà bị đơn phải trả là  $2.100.000.000 \text{ đồng} + 1.351.837.500 \text{ đồng} = 3.451.837.500 \text{ đồng}$ .

[3].Giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm do các đương sự không kháng cáo.

[4].Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 101.036.750 đồng.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Vì sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo là bà Châu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Châu là 300.000 đồng.

Ông Q rút kháng cáo tại phiên tòa nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

-Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Đoàn Châu.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 01/6/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Quang.

Buộc bà Nguyễn Ngọc Đoàn Châu phải trả cho ông Nguyễn Hồng Quang số tiền vốn gốc là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 1.351.837.500 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi một triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng: 3.451.837.500 đồng (Ba tỷ bốn trăm năm mươi một triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng Q về việc buộc ông Mai Minh D có nghĩa vụ liên đới cùng với bà CH đối với số nợ mà bà CH còn nợ ông Q nêu trên.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 101.036.750 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.660.000 đồng theo biên lai thu số 0038510 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà CH là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số AA/2021/0012270 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Quận S Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hồng Quang phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2021/0012246 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Quận S Thành phố Hồ Chí Minh. ,

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận S;
- Tòa án nhân dân Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim**